

NĂM HỘI VỚI NHỮNG SỰ KIỆN TRỌNG ĐẠI CỦA BÁC HỒ VÀ ĐẢNG TA

NGUYỄN VĂN THANH

Suốt thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, nhiều sự kiện trọng đại trong cuộc đời Bác Hồ và trong cách mạng do Đảng ta tổ chức, lãnh đạo diễn ra vào năm Hội.

Năm Tân Hợi 1911: Tháng 6/1911, Người bắt đầu đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng. Suốt 30 năm hoạt động, Người đã đi đến nước Pháp và nhiều nước châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Người hòa mình với những phong trào của công nhân và nhân dân các dân tộc thuộc địa, vừa lao động kiếm sống, vừa học tập, hoạt động cách mạng và nghiên cứu các học thuyết cách mạng.

Năm Quý Hợi 1923: Người tham gia nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa. Người tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa; Sử dụng báo chí Pháp tấn công chủ nghĩa thực dân - đáng chú ý Người là Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Le Paria (Người cùng khổ). Ngày 30/6/1923, Người đến Liên Xô và bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên đất nước Lenin vĩ đại. Tại Đại hội lần thứ I

Quốc tế Nông dân (10/1923), Người được bầu vào Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Năm Ất Hợi 1935: Đại hội Đại biểu lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra từ ngày 27 đến 31/3/1935 tại phố Quan Công, Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự có 13 đại biểu chính thức thay mặt cho 500 đảng viên trong nước và các đảng bộ ở nước ngoài.

Năm Đinh Hợi 1947: Đêm 13/1/1947, tức là ngày 23 tháng Chạp, đúng ngày ông Táo lên châu trời, Bác Hồ bí mật lặng lẽ rời xã Xuyên Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (cũ), chuyển đến xã Cầu Kiệm, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội), tiếp tục chặng đường trường kỳ kháng chiến.

Cuối năm Đinh Hợi 1947 với chiến thắng Thu Đông, đánh bại chiến lược phản công của thực dân Pháp, quân ta mở rộng hậu phương, xây dựng lực lượng chuẩn bị làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Năm Kỷ Hợi 1959: Đây là năm có nhiều sự kiện lịch sử nhất:

- Tháng 1/1959, Hội nghị Ban Chấp hành

Đuốc vinh quang soi sự nghiệp cha ông, tâm sáng với đạo thương: Lễ, Nghĩa, Nhân, Trí, Tín
Hoa văn hiến dõi cơ đồ con cháu, lòng vui cùng hồng phúc: Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh.

HOÀNG BÌNH TRỌNG

Trung ương Đảng lần thứ 15 khóa II đã ra Nghị quyết về đường lối cách mạng miền Nam, nghị quyết khẳng định “Con đường cơ bản của cách mạng miền Nam ở Việt Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, con đường đó là sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc, phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”. Có thể nói, sự ra đời của Nghị quyết là một bước ngoặt lịch sử của cách mạng miền Nam, là nguyện vọng, sự trông chờ suốt nhiều năm của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân miền Nam nói riêng.

- Tuyên vận tải quân sự chiến lược 559 (sau này là Đường mòn Hồ Chí Minh) được thành lập với nhiệm vụ vận chuyển cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo cơ động lực và đưa đón cán bộ vào ra giữa bốn chiến trường A, B, C, K.

Năm Tân Hợi 1971: Mỹ - Ngụy mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở Đường 9 - Nam Lào (Địa bàn chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào có chiều dài khoảng 90km (từ Đông Hà, Quảng Trị đến Sê Pôn, Xavannakhet), rộng khoảng 60km (từ Mường Trưng đến Mường Noong), chủ yếu là rừng, đồi, núi trổng trải). Sau 43 ngày đêm chiến đấu, quân ta đánh bại cuộc hành quân này, giáng một đòn quyết định vào chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Ních-Xon.

Năm Ất Hợi 1995: Là năm cuối cùng thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1991-1995 do Đại hội VII đề ra. Đảng ta nhận định: Sau mười năm thực hiện đường lối đổi mới và năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, đất nước đã vượt qua giai đoạn thử thách gay go. Công cuộc đổi mới thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 được

hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị những tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Năm Đinh Hợi 2007: Nền kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua (8,5%), tạo khả năng hoàn thành nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2006-2010.

Ngày 16/10/2007, Việt Nam đã được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009 với số phiếu tín nhiệm cao. Sự kiện này đánh dấu một mốc quan trọng trong tiến trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của đất nước ta, khẳng định sự đúng đắn của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm Kỷ Hợi 2019: Kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019) và 50 năm Ngày mất của Người (2/9/1969 - 2/9/2019). Năm 2018, tăng trưởng GDP đạt 7,08% (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố ngày 27/12/2018). Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát được kiểm soát. Những kết quả đó đã tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 và 5 năm 2016-2020 ■

Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chặng đường qua hai thế kỷ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

TUỔI HỢI VỚI DANH NHÂN VIỆT NAM

ĐÔNG HẢI

Theo quan niệm tín ngưỡng truyền thống, người tuổi lợn (tuổi Hợi) thường đa tài, sung mãn, suôn sẻ, gặp nhiều may mắn và thành đạt. Trong số các danh nhân góp phần làm rạng rỡ nền văn hiến Việt Nam, có tương đối nhiều vị sinh năm Hợi...

TUỔI ẤT HỢI

Phạm Đôn Lễ (1455-...?): Văn thần đời Lê Thánh Tông, quê Thái Bình. Thông minh, linh hoạt, năm 1481 đỗ Trạng nguyên (cả thi Hương, thi Hội lẫn thi Đình đều đỗ đầu, trở thành vị Tam nguyên đầu tiên trong lịch sử khoa cử nước ta). Nổi tiếng văn thơ, lại giỏi việc kinh tế - chính trị, rất được trọng vọng và làm quan tới chức Tả thị lang. Ông là người đầu tiên truyền bá cách trồng cói, dệt chiếu từ Trung Quốc vào Việt Nam.

Phan Kế Bính (1875-1921): Nhà văn hóa cận đại, quê Hà Nội. Năm 1906 đỗ cử nhân nhưng không ra làm quan mà sống với nghề dạy học, viết báo, soạn sách. Ông từng đào tạo được nhiều học trò danh tiếng và là tác giả của những công trình lớn về lịch sử, văn thơ, phong tục tập quán.

Lê Văn Huân (1875-1929): Chí sĩ yêu nước, quê Hà Tĩnh. Giàu lòng ái quốc, năm 1904-1905 hăng hái tham gia phong trào Duy Tân. Năm 1906, đỗ đầu trường thi Nghệ An và bước vào hoạt động chính trị. Năm 1927, đắc cử nghị sĩ Viện Dân biểu Trung Kỳ và đổi tên Hội Phục Việt do mình sáng lập, lãnh đạo trước đó thành Đảng Tân Việt (một trong các đảng tiền thân của Đảng Cộng sản). Năm 1929, bị Pháp bắt giam nên tuyệt thực và mổ bụng tự sát. Ông là một nhà nho yêu nước, một chính khách mẫn cảm và một thi sĩ tài hoa.

TUỔI ĐÌNH HỢI

Hoàng Đình Ái (1527-1607): Danh tướng đời Lê Trang Tông, quê Thanh Hóa. Dũng cảm, mưu lược, văn võ song toàn, tận tụy phò giúp vua Lê kinh chống nhà Mạc, được thăng tới Thái úy (Tổng chỉ huy quân đội) và Thái tể (trương đương Tể tướng). Ông lập nhiều chiến công oanh liệt và rất được nể phục bởi tính cách quyết đoán, mạnh mẽ.

Nguyễn Thông (1827-1884): Đại thần thời Nguyễn, quê Long An. Thông minh, nghị lực, năng động, năm 1849 đỗ cử nhân, làm quan trong các ngành địa chính, quân sự, giáo dục, thăng đến Tế tửu Quốc tử giám. Từ năm 1859, nhiệt tình tham gia chống Pháp xâm lược, liên kết với cả tướng sĩ triều đình và thủ lĩnh nghĩa quân, kiên cường chống giặc bình định Nam Bộ. Ông còn góp công lớn trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và quy hoạch, quản lý đất đai.

Bùi Kỳ (1887-1960): Học giả cận đại, quê Hà Nam. Nức tiếng uyên thâm và nhuần thạo ngôn ngữ, năm 23 tuổi đỗ phó bảng, hoạt động trong ngành giáo dục. Sau Cách mạng tháng Tám, làm Chủ tịch Hội Văn hóa kháng chiến. Ông để lại nhiều tác phẩm đồ sộ về thi ca, văn học, lịch sử, nghệ thuật và là người dày công cải biên, hoàn thiện chữ quốc ngữ Việt Nam.

TUỔI KỶ HỢI

Đinh Lưu Kim (1479-...?): Danh sĩ thời Lê sơ, quê Hải Dương. Nhiệt tình, can đảm, thông tuệ, mới 17 tuổi đã thi đỗ Tiến sĩ, làm quan tới Đông các Đại học sĩ. Rất đa tài, ông am hiểu bách công kỹ nghệ, thành thạo nhiều nghề và giỏi nhiều môn thể thao (đá cầu, đánh bóng, đua ngựa, bắn cung...).

Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736): Danh thần đời chúa Nguyễn Phúc Chu, quê Thừa Thiên Huế. Nổi tiếng văn thơ nhưng theo nghiệp võ, được tiến cử, trọng dụng và thăng đến Thượng thư (Bộ trưởng) bộ Lại. Từ năm 1724, ông được chúa tin tưởng, dùng làm cố vấn hoạch định mọi chính sách trị nước, an dân, đối ngoại.

Vi Huyền Đắc (1899-1976): Nhà văn, nhà soạn kịch, quê Quảng Ninh. Nghị lực, độc đáo, say mê nghệ thuật, tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Hà Nội, nhiệt tình sáng tác văn thơ, viết kịch và mở nhà xuất bản. Sau năm 1954 vào Nam, dịch và sáng tác rất nhiều, giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội Văn bút ở Sài Gòn. Ông là nhà soạn kịch danh tiếng, để lại nhiều vở kịch giá trị, từng được giải thưởng Tự lực Văn đoàn (năm 1937) và giải thưởng của Viện Hàn lâm Nice (Pháp).

TUỔI TÂN HỘI

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585): Danh sĩ thời Mạc, quê Hải Phòng. Khảng khái, nhân nghĩa, trí tuệ, năm 1535 đỗ Tiến sĩ, làm quan tới Thượng thư bộ Lại, đặc lực giúp các vua Mạc thực thi chính sách xã hội. Tinh thông lý học và tướng số, là tác giả nhiều câu “sấm truyền” dự báo rất đúng tương lai. Ông cũng để lại những công trình giá trị về triết học, văn hóa, thơ ca.

Nguyễn Phúc Đảm (1791-1840): Vị vua xuất sắc nhà Nguyễn, hiệu Minh Mạng, quê Thanh Hóa. Đa tài, thông minh, cả quyết, lên ngôi năm 29 tuổi, nổi tiếng với những chính sách cách tân độc đáo, táo bạo. Thời ông trị vì, quyền lực nhà nước tập trung cao độ và lãnh thổ Việt Nam được mở rộng nhất trong lịch sử.

Lê Đức Thọ (1911-1990): Nhà hoạt động cách mạng, quê Nam Định. Bản lĩnh, năng động, nồng nàn yêu nước, sớm tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và vào Đảng Cộng sản năm 19 tuổi. Đại diện cho các báo công khai của Đảng ở Nam Định, hoạt động sôi nổi và bị giặc Pháp bắt nhiều lần.

Năm 1948 được phái vào công tác tại Nam Bộ, làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Từ năm 1954 ra Bắc, phụ trách công tác tổ chức và là ủy viên Bộ Chính trị. Sau năm 1986, làm cố vấn cao cấp cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông đã có những đóng góp tích cực trên mặt trận ngoại giao và được trao giải Nobel Hòa bình năm 1973 (cùng Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger) nhưng từ chối nhận.

TUỔI QUÝ HỘI

Lý Nhật Tôn (1023-1072): Vị vua thứ ba triều Lý, hiệu Thánh Tông, quê Bắc Ninh. Nhiệt tình, nhân hậu, khoan dung, lên ngôi năm 31 tuổi, nặng lòng yêu nước thương dân. Cùng Nguyên phi Ý Lan dốc sức chăm lo chính trị, củng cố quốc phòng, chấn hưng văn hóa - xã hội, đưa quốc gia phát triển cực thịnh suốt thời gian cầm quyền. Ông còn là người đầu tiên cho xây Văn Miếu và mở khoa thi bác học để khích lệ sĩ phu, tuyển chọn nhân tài.

Ninh Tôn (1743-...?): Danh sĩ thời Lê Mạt, quê Ninh Bình. Chí khí cao, ham rèn luyện, giỏi ứng biến, năm 1778 đỗ Tiến sĩ, làm quan triều vua Lê chúa Trịnh đến chức Hữu thị lang bộ Hình, rồi triều Tây Sơn đến chức Thượng thư bộ Binh. Ngoài lập nhiều chiến công hiển hách, ông còn là một nhà thơ lớn.

Nguyễn Văn Cao (1923-1995): Nghệ sĩ đa tài, quê Hải Phòng. Xuất thân từ một gia đình viên chức, mồ côi cha từ bé, phải nghỉ học giữa chừng và bươn chải cuộc sống với nhiều nghề. Sớm bộc lộ tài năng âm nhạc, sáng tác ra những nhạc phẩm nổi tiếng (trong đó có bài Tiến quân ca trở thành quốc ca Việt Nam từ năm 1946). Ông còn làm nhiều thi phẩm đặc biệt và vẽ nên các bức họa độc đáo, đa chiều. Sau năm 1954, về công tác trong ngành thông tin và từng làm Phó Tổng thư ký Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Nhạc sĩ tài hoa, thi sĩ nhiệt huyết, họa sĩ sáng tạo, ông thực sự là một nghệ sĩ đầy tài năng và hiếm có của nền văn hóa Việt Nam ■

CON LỢN TRONG Y HỌC

NGUYỄN TẤN TUẤN

Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bình Định

Lợn là một loài gia súc rất quen thuộc với người dân nước ta. Thịt lợn là một loại thực phẩm rất thông dụng để chế biến các món ăn trong ngày Tết. Khi gói bánh chưng, bánh tét, bánh đòn..., người ta dùng thịt lợn trộn với đậu xanh làm nhân chiếc bánh truyền thống của dân tộc với huyền thoại đẹp thời vua Hùng chọn rể... Con lợn nói chung, thịt lợn nói riêng đóng một vai trò không nhỏ trong khẩu phần ăn hằng ngày của người Việt.

Theo Bách khoa toàn thư của Pháp thì lợn là một dòng động vật được thuần hóa từ 2 loại lợn rừng: *Sus cristarus* của châu Á và *Sus scrofa* của châu Âu. Lợn là một loài gia súc quen thuộc, có khả năng cung cấp một lượng thịt lớn cho con người. Lợn nuôi con bằng sữa, thích ăn tạp. Là giống vật có tập tính ăn, uống và thở sát mặt đất. Lợn được chăn nuôi rất phổ biến trên thế giới, trừ các nước theo đạo Hồi.

Theo các tài liệu y học thì trong 100g thịt lợn có chứa 18g protein, 19g lipid toàn phần, không có hydrat cacbon và cho người tiêu thụ khoảng 245 calo năng lượng. Các giống lợn Việt có tỉ lệ thịt nạc thấp hơn các giống lợn ngoại nên lượng protein là 16,5g, lipid - 21,5g và cho 268 calo. Thịt lợn còn chứa các loại muối khoáng như canxi, photpho, sắt. Các loại vitamin như A, B1, B2 và PP..

Theo bảng thành phần thức ăn Việt Nam của nhà xuất bản Y học (1872) thì các món ăn được chế biến từ thịt lợn như giò, chả, Lạp xưởng, nem chua, ruốc... đều có hàm lượng protein và lipid khá cao, còn giữ được một số muối khoáng, nhưng vitamin thì đã bị tiêu hủy trong quá trình chế biến. Tỷ lệ axit béo bão hòa trong thịt lợn gấp 4 lần axit béo chưa bão hòa và đây chính là nguyên nhân tạo ra cholesterol, một trong các thủ phạm của các bệnh cao huyết áp và xơ vữa động mạch. Thống kê cho thấy, tỷ lệ bệnh tim mạch ở người theo đạo Hồi thấp hơn hẳn những người có thói quen ăn thịt lợn hằng ngày.

Về mặt bệnh tật, giữa lợn và người cũng có mối liên quan gần gũi. Vì lợn là một con vật ăn tạp nên nó thường mắc một số bệnh do vi khuẩn

hoặc ký sinh trùng gây ra và có thể lây lan sang người. Một loại viêm ruột khá phổ biến ở lợn thường do vi khuẩn *Salmonella choleraesuis* gây ra. Vi khuẩn *Brucella suis* gây bệnh sẩy thai ở lợn, nếu nhiễm vào người sẽ gây sốt cao. Xoắn khuẩn *Letospira* cũng có thể nhiễm bệnh ở lợn, đào thải qua nước tiểu để xâm nhập vào con người gây ra các bệnh vàng da, chảy máu.

Con lợn khi bị nhiễm giun sán sẽ mắc bệnh sán ấu trùng gọi là lợn gạo. Người ăn phải thịt lợn gạo cũng có thể mắc sán ấu trùng, rất nguy hiểm. Loại giun xoắn hay giun cuộn thường có ký sinh trùng ở thớ cơ hoặc trong huyết lợn. Nếu ăn tiết canh lợn hoặc thịt lợn chưa chín thì có thể sẽ mắc bệnh giun xoắn (*Trichinellose*) có tỉ lệ tử vong rất cao.

Bệnh sán lá ruột do *Fasciolosis buski* gây nên cũng có mối liên quan gần gũi giữa bệnh cho người mà nó chỉ đóng vai trò trung gian truyền bệnh. Con người cần tìm hiểu kỹ mối liên quan này để có biện pháp phòng bệnh cho mình, nhất là ở một số người trực tiếp chăn nuôi lợn.

Con lợn góp phần quan trọng nuôi sống con người, điều đó không ai phủ nhận. Gần đây, loài lợn còn có “thành tích” tuyệt vời là cứu người nữa. Trong một tạp chí y học xuất bản tại Vương quốc Anh, các nhà khoa học ở Trường Đại học Cambridge đã dùng kỹ thuật di truyền để tạo ra một giống lợn có tế bào cơ tim được cấu tạo bởi một protein có cấu trúc như con người. Sau 3 năm nuôi dưỡng, những con lợn này sẽ có những trái tim có kích thước cần thiết để cấy ghép cho người. Một số cơ quan phủ tạng khác của giống lợn đặc biệt này cũng có những đặc điểm tương tự, có thể dùng để thay thế cho các cơ quan phủ tạng của con người. Trong một tương lai không xa, những bệnh nhân mà trước đây thường bị tử vong do không có người hiến tạng sẽ được cứu sống nhờ giống lợn đặc biệt này...

Còn một giống lợn khác ở miền Đông Nam Mỹ, được gọi là lợn nước có tên khoa học là *Capvbara* cũng đã được các nhà y khoa sử dụng một số cơ quan nội tạng phục vụ công tác giải phẫu, cấy ghép cho người. Loài lợn quả là rất có ích đối với con người ■

CÁC BÀI THUỐC CHẾ TỪ LỢN

BẢO HOÀN

Không chỉ là nguồn thực phẩm giá trị, món ăn phổ biến, hấp dẫn mà còn là nguyên liệu cho một số ngành đặc biệt, lợn (heo) còn mang tác dụng y dược đa dạng. Lợn được ví như “cây thuốc biết đi” vì tất cả các bộ phận từ cơ thể nó đều có thể đem chế được thành thuốc, dùng để tăng cường sinh lực, phòng chống, chữa trị hiệu quả nhiều bệnh ở người.

Thịt lợn (Trư nhục): Dùng chế biến ra nhiều món ăn thông dụng, khá ngon, lại có tác dụng y dược hiệu quả nên được nhiều người ưa chuộng. Nó mang vị hơi ngọt, mặn, tính bình, ăn vào sẽ làm khỏe cơ, hoạt huyết, bổ thận, tiêu thũng và là thuốc chữa nhiệt khí, nhức mỏi, suy thận, phù thũng, ho hen, tâm thần... Thịt lợn nạc giã nhuyễn, nặn viên, rồi nấu với rau ngót thành món ăn - vị thuốc cổ truyền phổ biến để bồi dưỡng sức khỏe cho những người đang chữa bệnh, người mới khỏi ốm, người già yếu và phụ nữ mới đẻ. Còn nếu lấy miếng thịt lợn nạc để sống, đem thái mỏng, đắp vào vết thương đang chảy máu thì máu sẽ cầm lại ngay. Một số sách thuốc xưa như *Chẩn hậu phương* chẳng hạn còn ghi lại bài thuốc dùng thịt lợn

nạc (1 phần) nấu với rễ cỏ tranh (2 phần), ăn sẽ đặc trị chứng hoàng đản thể thấp nhiệt.

Mỡ lợn (Trư cao): Vị ngọt, tính lạnh, có tác dụng hoạt huyết, nhuận phổi, giải độc, khu phong. Nó thường được rán thành mỡ nước, bôi ngoài da chữa bỏng, lở loét, mụn nhọt, rụng tóc. Lấy mỡ lợn trộn với bột hạt lai (đốt thành than) đem đắp chữa được chốc đầu.

Tiết lợn (Trư huyết): Vị mặn, tính bình, có tác dụng bổ huyết, ích dương; trị các chứng hoa mắt chóng mặt, trúng gió, chướng khí, phạm phong (thượng mã phong), băng huyết.

Ốc lợn (Trư não): Vị ngọt, tính lạnh, có tác dụng bồi bổ, thông kinh, tĩnh trí; chữa suy nhược thần kinh, đau đầu, hoa mắt chóng mặt và mụn nhọt. Có thể dùng đơn hoặc phối hợp với các thảo dược hoài sơn, câu kỷ, thiên ma, trần bì.

Tim lợn (Trư tâm): Vị ngọt, tính lạnh, có tác dụng bổ tâm, bổ huyết, ích khí, an thần; trị kinh giản, thương phong, suy nhược thần kinh và cơ thể. Theo sách *Chứng trị yếu quyết*, dùng tim lợn đực (1 quả) cùng nhân sâm và dương quy (mỗi thứ 10g) đem luộc lên ăn, sẽ đặc trị bệnh mất ngủ, chứng ra mồ hôi trộm.

Yêu nhân sĩ trọng nhân tài lấy đại nghĩa xây pháo đài hạnh phúc

Nâng dân sinh bồi dân trí biến tiềm năng dựng chiến lũy hàng cường.

HOÀNG HIẾU NGHĨA

Gan lợn (Trư can): Vị đắng, hơi mặn, tính âm, có tác dụng dưỡng huyết, tiêu độc, bổ gan, sáng mắt; chữa huyết hư, vàng da, quáng gà, phù thũng, cước khí, bạch đới và đại tiện lỏng kéo dài. Đem gan lợn (5 phần) băm nhỏ với cây chó đẻ (1 phần), nấu nhiều lần, lấy nước đặc uống mỗi ngày vài lần sẽ chữa được viêm gan. Còn với bệnh xơ gan, điều trị bằng cách ăn thường xuyên gan lợn (3 phần) nấu với vỏ dưa hấu (10 phần). Để chữa viêm giác mạc, đau mắt, dùng gan lợn (1 phần) thái miếng nấu với lá dâu (2 phần) thành canh ăn.

Phổi lợn (Trư phế): Vị nhạt, tính lạnh, có tác dụng mát phổi, giảm ho, trừ đờm; trị hen phế quản, ho lâu ngày, ho ra máu. Lấy phổi lợn (10 phần) rửa sạch, thái nhỏ, bóp hết bọt nước; nếu đem nấu với rau diếp cá (3 phần), ăn sẽ chữa được viêm khí quản mãn tính; còn nếu đem nấu với ý dĩ (5 phần), ăn sẽ trị ho, khó thở, đau vùng ngực.

Lá lách lợn (Trư tỳ): Vị ngọt, tính bình, có tác dụng kiện tỳ, thoát chướng, nhuận sắc; trị ho, sốt rét, chữa tích cục trong bụng và làm đẹp da. Theo sách *Chuẩn hậu bị cấp phương*, để trị ho lâu ngày dùng lá lách lợn (3 bộ), đại táo (100 quả), ngâm chung nhiều ngày trong rượu gạo (1,5 lít), khi dùng mỗi lần uống 30-50ml.

Xương lợn (Trư cốt): Có tác dụng tiêu khát, giải độc, hoạt huyết, nhuận sắc; chữa chứng đồi sán, tiểu đường, khô da. Lấy xương sống lợn (10 phần) rửa sạch, chặt nhỏ, nấu với gạo nếp (15 phần) và gia vị thành cháo, ăn trong ngày sẽ làm da mặt trơn bóng, hồng hào. Theo sách *Tam thiên phương*, bài thuốc để trị bệnh tiểu đường là dùng xương sống lợn (12 đốt), đại táo (49 quả), liên nhục (49 hạt), chích cam thảo (60g), mộc hương (6g), tất cả cho vào 5 bát nước, sắc lấy khoảng 3 bát uống trong một ngày.

Tủy lợn (Trư tủy): Vị ngọt, tính lạnh, có tác dụng bổ âm, ích tủy; chữa hư lao, lở loét và bị thương do sang chấn. Ngoài ra, bài thuốc đặc trị chứng bế tinh (không phóng tinh) do âm hư hỏa vượng là đem tủy lợn sống (30g) cùng thực địa (15g), quy bản (20g), tri mẫu (15g), hoàng bá (8g), sắc uống mỗi ngày một thang. Còn nếu đem trộn tủy lợn sấy khô (80g) với ý dĩ (80g), cát căn (80g) và hoài sơn (120g) tất cả tán thành bột, ngày uống 20-40g sẽ chữa được bệnh tiểu đường.

Mật lợn (Trư đờm): Vị đắng, mùi tanh, tính lạnh, có tác dụng giảm đau, tiêu sưng, sát khuẩn, thông đại tiện, kích thích tiêu hóa và bài tiết mật; trị ho gà, hen suyễn, suy gan, vàng da, ứ mật, chậm tiêu và táo bón. Hơn nữa, nước mật lợn để nguyên hoặc cô đặc phối hợp với hoàng bá, dùng bôi chữa bỏng; với nghệ vàng hoặc gừng tươi - trị chốc đầu, nhọt độc; với hành tươi, tỏi, lá trầu không, lá ớt - trị rần cắn. Theo sách *Tuệ Tĩnh toàn tập*, có tới 10 bài thuốc sử dụng mật lợn.

Bầu dục lợn (Trư thận): Vị mặn, tính lạnh, có tác dụng bổ thận, ích khí, giảm đau, lợi bàng quang; chữa bạch biến, ù tai, đau lưng, phù thũng, di tinh và ra mồ hôi trộm. Đem bầu dục lợn (2 cái) khía đôi, cho bột đỗ trọng (20g) và ít muối vào trong, ninh thật nhừ, ăn cả nước lẫn cái vào lúc đói sẽ trị thận hư, đau lưng, chân tay nhừ mỏi. Lấy bầu dục lợn (1 quả) thái nhỏ, trộn với bột cốt toái, xào chín, ăn nóng sẽ chữa tiêu chảy cấp tính; còn nếu xào qua với lá hẹ (100g) rồi nấu canh ăn, lại trị thận hư, đau lưng, tai nghe ãnh ãng.

Răng lợn (Trư nha): Chữa trẻ em lên cơn co giật, trợn mắt, nghiêng răng. Có thể dùng kèm răng chó, mài uống vài ngày. Cũng có thể dùng răng lợn đốt cháy (12 phần) và kinh giới (40 phần), câu đằng (12 phần), toàn yết (12

phân), thuyên thoái (8 phần), phèn phi (8 phần) sấy khô, sao giòn, tất cả đem tán mịn, trộn đều, luyện với hồ, viên thành hạt để uống.

Lưỡi lợn (Trư thiết): Đặc trị chứng khí anh (mọc u sau gáy). Lấy lưỡi lợn sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 4g với rượu trước khi ngủ.

Dạ dày lợn (Trư vị): Vị ngọt, hơi mặn, tính ấm, có tác dụng bổ trung, ích khí, kiện tỳ vị; chữa khát, chảy máu cam, hư lao, di tinh, đái dầm, tiêu chảy, kiết lỵ. Dạ dày lợn thái nhỏ, nấu với củ mã thầy, ăn sẽ trị được bệnh vàng da. Đem dạ dày lợn (1 cái) làm sạch, cho hồ tiêu trắng (15g) đã nghiền vào trong, ninh như bằng lửa nhỏ, ăn nóng và cách 3 ngày ăn một lần, sẽ chữa được đau dạ dày dạng hàn (lạnh bụng). Theo sách *Nam dược thần hiệu*, lấy dạ dày lợn nhồi hạt sen, nấu chín ăn hoặc ninh cho thật nhừ, giã nát, trộn với hồ, viên thành hạt bằng hạt ngô, mỗi ngày uống 50 viên với nước ấm vào lúc đói, sẽ đặc trị đái dầm. Còn theo sách *Tập từ sinh*, để chữa thận hư, di tinh, lấy dạ dày lợn đực (1 cái) làm sạch, cho đỗ trọng (250g) vào, khâu kín, hầm nhừ, bỏ bã đỗ trọng đi, rồi ăn cả dạ dày lẫn nước hầm.

Ruột non lợn (Trư tiểu tràng): Vị đắng, tính bình, có tác dụng bổ tâm, thanh nhiệt, hòa tạng; trị viêm dạ dày, di tinh, viêm âm hộ. Dùng ruột non lợn (1 bộ), gừng tươi (5 lát), hồ tiêu (10 hạt); rửa ruột với dấm, bỏ hạt tiêu, gừng vào, hấp cách thủy, chia ăn 2 lần trong ngày sẽ chữa chứng đau dạ dày kéo dài.

Bong bóng lợn (Trư bàng quang): Vị ngọt, mặn, tính lạnh, có tác dụng tăng sữa, lợi tiểu; chữa đái dầm, đái buốt, đái rắt, di mộng tinh, bìu dái sưng đau, ngọc hành lở loét. Đem bong bóng lợn nấu nhừ với lá đinh lăng và gạo nếp thành cháo, ăn làm thuốc tăng tiết sữa. Theo sách *Y lâm tập yếu*, dùng bong bóng lợn (1 cái), dạ dày lợn (1 cái) nấu cháo với gạo nếp

ăn hàng ngày sẽ trị bệnh đái dầm.

Ruột già lợn (Trư đại tràng): Vị ngọt nhạt, tính hơi lạnh, có tác dụng bổ hạ, tiêu viêm; trị đại tiện ra máu, viêm đại tràng mãn tính; hoặc nấu với củ gió đất, ăn chữa bệnh trĩ. Theo sách *Vĩnh loại linh phương*, để trị đại tiện ra máu, lấy một đoạn ruột già lợn rửa sạch, nhồi đầy hoa hòe và buộc lại, cho vào nồi đất, hầm nhừ, rồi viên thành những hạt bằng hạt ngô, mỗi lần uống 1 hạt với nước sắc dương quy (ngày uống 2 lần).

Bộ phận sinh dục lợn (Trư sản): Tinh hoàn lợn đực có tác dụng tăng cường sinh dục; chữa phạm phòng (thương mã phong), đau ngọc hành. Âm hành lợn cái đặc trị liệt dương (dùng 3 âm hành lợn cái sấy khô, tán bột, mỗi lần uống 4g với rượu).

Chân giò lợn (Trư đề): Vị mặn, tính bình, có tác dụng bồi bổ, dưỡng thai, tăng sữa, làm đẹp da. Đem chân giò lợn (2-3 cái) nấu chín nhừ với lõi thông thảo (10-20g) và gạo nếp (30-50g) thành cháo, ăn trong một ngày, sẽ là thuốc đặc hiệu cho phụ nữ mới đẻ mà thiếu sữa.

Phân lợn (Trư thi): Phơi khô, đốt thành than, tán bột, có tác dụng cầm máu, lành da; trị lở loét, mụn nhọt. Sách *Tuệ Tĩnh toàn tập* còn ghi lại 6 bài thuốc có sử dụng phân lợn để chữa chảy máu cam, rong huyết, viêm phân phụ.

Da lợn (Trư bì): Vị hơi mặn, tính bình, có tác dụng giải nhiệt, tiêu độc, dưỡng da; trị bỏng, khát, chốc đầu và rần cắn. Dùng miếng da lợn tươi, mỏng, rửa sạch và ướp lạnh rồi đắp lên vết thương, vết thương rất mau lành.

Lông lợn (Trư mao): Đốt thành than, tán bột, có tác dụng sát khuẩn, cầm máu; trị nhiễm trùng, mụn nhọt, xây xát. Dùng bột than lông lợn hòa vào rượu hoặc trộn với mật ong, bôi chữa muỗi, vắt đốt, rết cắn ■